TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 04/8/2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai.

2. Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên toà: bà Trần Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Trần Hữu L, sinh năm 1969.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị P và anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị P và bị đơn là anh Trần Hữu L trình bày: anh chị chung sống với nhau và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ tháng 6 năm 2000. Tuy nhiên anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ chung sống với nhau như vợ chồng và có 1 con chung sinh năm 2002. Kể từ đó đến nay, anh chị cũng không đăng ký tại UBND có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã nảy

sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2017. Chị P xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể quay về chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án cho chị ly hôn anh L và anh L cũng đồng ý với yêu cầu này.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Trần Thị Mai A, sinh ngày 30/11/2002. Do cháu Mai A đã đủ 18 tuổi, có gia đình riêng nên chị P và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị P và anh L đều xác định sẽ để lại tài sản cho cháu Mai A nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại Công văn số 85 ngày 27/6/2023 của UBND phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương và công văn số 403 ngày 17/7/2023 của UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương xác định: Qua kiểm tra hồ sơ và sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ tại phường từ năm 2000 đến nay không có trường hợp đăng ký kết hôn nào giữa chị Trần Thị P và anh Trần Hữu L.

- Tại biên bản xác minh ngày 04/5/2023, Phòng Tư pháp- UBND thành phố C cung cấp: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ tại Phòng Tư pháp thành phố C của phường Đ và phường C từ năm 2000 đến này không có trường hợp nào đăng ký kết hôn giữa chị Trần Thị P và anh Trần Hữu L.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị P và anh Trần Hữu L là vợ chồng.

- Về con chung: Con chung là Trần Thị Mai A, sinh ngày 30/11/2002 đã đủ 18 tuổi, chị P và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: chị P và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Án phí: chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị P khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Hữu L có địa chỉ thường trú tại phường Đ, thành phố Chí L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị P và anh L đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị P và anh L, anh chị đã chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2000 và có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Từ đó đến nay anh chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nào. Xác minh tại UBND phường C, phường Đ và Phòng Tư pháp- UBND thành phố C đều thể hiện: từ năm 2000 đến nay, không có thông tin đăng ký kết hôn giữa chị Trần Thị P và anh Trần Hữu L. Như vậy, có căn cứ xác định chị P và anh L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định và kể từ đó đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn theo hướng dẫn tại Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 9-6-2000 của Quốc hội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa chị P và anh L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, chị P xin ly hôn anh L, Tòa án sẽ tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: chị P và anh L có 01 con chung là Trần Thị Mai A, sinh ngày 30/11/2002. Hiện cháu Mai A đã đủ 18 tuổi, chị Ph và anh L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Xử: không công nhận chị Trần Thị P và anh Trần Hữu L là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị P và anh L có 1 con chung là Trần Thị Mai A, sinh ngày 30/11/2002. Hiện cháu Mai A đã đủ 18 tuổi, chị P và anh L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị P và anh L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0003753 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị P đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà